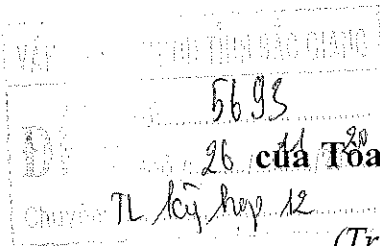


Số : 1083/BC-TA

Bắc Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2020



## BÁO CÁO

**26 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về kết quả công tác năm 2020;  
nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021**

*(Trình tại Kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII)*

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Chương trình Kỳ họp thứ 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII; Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang báo cáo về kết quả công tác năm 2020 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021, như sau:

### A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC

Năm 2020, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác trong tình hình các loại tội phạm vẫn gia tăng; tình hình xã hội dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong và ngoài nước, để vừa thực hiện nghiêm các công tác phòng, chống dịch bệnh, vừa chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác chuyên môn, đặc biệt là công tác giải quyết, xét xử các loại án nhằm đảm bảo tình hình an ninh, chính trị, phục vụ cho đại hội Đảng các cấp... Ban cán sự đảng, lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh đã chỉ đạo xây dựng các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Tòa án hai cấp. Do đó, năm 2020 các nhiệm vụ trọng tâm công tác Tòa án tiếp tục được triển khai, thực hiện có hiệu quả, kết quả cụ thể như sau:

### I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2020

#### 1. Công tác giải quyết, xét xử các loại vụ việc

Tòa án hai cấp thụ lý 7.608 vụ, việc (*giảm 225 vụ so với cùng kỳ năm 2019*). Đã giải quyết 6.369 vụ, việc đạt tỷ lệ 83,71%. Còn lại 1.239 vụ, việc đang giải quyết theo quy định của pháp luật, trong đó:

**1.1 Án hình sự:** thụ lý 1.346 vụ/2.554 bị cáo (*tăng 49 vụ và 236 bị cáo so với cùng kỳ năm 2019*). Đã giải quyết 1.189 vụ/2.180 bị cáo, đạt tỷ lệ 88,33%.

*Án sơ thẩm:* Thụ lý 1.019 vụ/2.028 bị cáo<sup>1</sup>, giải quyết 913 vụ/1.769 bị cáo<sup>2</sup>, đạt tỷ lệ 89,59%. Trong đó: đình chỉ 6 vụ/7 bị cáo<sup>3</sup>, xét xử 906 vụ/1.759 bị

<sup>1</sup> Quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã trả hồ sơ để Viện kiểm sát điều tra bổ sung 14 vụ (*giảm 13 vụ so với năm 2019*). Thụ lý 7 vụ/ 17 bị cáo về án tham nhũng (*giảm 4 vụ, tăng 2 bị cáo so với năm 2019*), đã giải quyết 4 vụ/ 6 bị cáo (*trả hồ sơ Viện kiểm sát điều tra bổ sung 1 vụ/ 2 bị cáo, xét xử 3 vụ/ 4 bị cáo – đều phạt tù giam*), còn lại 3 vụ/ 11 bị cáo.

<sup>2</sup> Án có kháng cáo, kháng nghị chuyển TAND cấp cao xét xử phúc thẩm 12 vụ/16 bị cáo (*đều kháng cáo*). Đã giải quyết 12 vụ/16 bị cáo (xét xử 6 vụ/10 bị cáo, đình chỉ xét xử 6 vụ/6 bị cáo). Kết quả xét xử: Y án 4 vụ/7 bị cáo; sửa án 2 vụ/3 bị cáo do có tình tiết mới trong quá trình xét xử phúc thẩm (người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả, nộp tiền phạt, thu lợi bất chính, ...); hủy án 2 vụ/4 bị cáo: 1 vụ hủy phân dân sự, 1 vụ hủy điều tra lại vụ án.

cáo, tạm đình chỉ xét xử 1 vụ/ 3 bị cáo<sup>4</sup>. Kết quả xét xử: Tử hình 2 bị cáo, tù chung thân 5 bị cáo, phạt tù giam 1.286 bị cáo, phạt tù nhưng cho hưởng án treo 399 bị cáo, cải tạo không giam giữ 42 bị cáo, phạt tiền là hình phạt chính 18 bị cáo, phạt cảnh cáo 7 bị cáo.

*Án phúc thẩm:* Thụ lý 327 vụ/526 bị cáo<sup>5</sup>, đã giải quyết 276 vụ/411 bị cáo, đạt tỷ lệ 84,4%. Trong đó: đình chỉ xét xử phúc thẩm 134 vụ/193 bị cáo, xét xử 142 vụ/218 bị cáo. Kết quả xét xử: Y án 49 vụ/80 bị cáo; hủy án 1 vụ/1 bị cáo<sup>6</sup>; sửa án 92 vụ/137 bị cáo<sup>7</sup>.

**1.2 Án dân sự, hôn nhân và gia đình:** thụ lý 6.009 vụ, việc (*giảm 231 vụ, việc so với cùng kỳ năm 2019*). Đã giải quyết 5.017 vụ, việc, đạt tỷ lệ 83,49%.

*Án sơ thẩm:* Thụ lý 5.728 vụ, việc; đã giải quyết 4.816 vụ, việc<sup>8</sup>; đạt tỷ lệ 84,07%. Trong đó: xét xử 1.188 vụ, việc; công nhận thuận tình và hòa giải thành 2.326 vụ việc; đình chỉ 1.010 vụ, việc; tạm đình chỉ 55 vụ việc<sup>9</sup>, giải quyết việc dân sự 190 việc; chuyển hồ sơ vụ án theo thẩm quyền 47 vụ, việc.

*Án phúc thẩm:* Thụ lý 281 vụ<sup>10</sup>, đã giải quyết 201 vụ, đạt tỷ lệ 71,53%. Trong đó: đình chỉ xét xử 31 vụ<sup>11</sup>; tạm đình chỉ 4 vụ<sup>12</sup>, xét xử 166 vụ, kết quả xét xử: Y án 95 vụ; hủy án 20 vụ<sup>13</sup>; sửa án 51 vụ<sup>14</sup>.

**1.3 Án kinh doanh thương mại, lao động:** thụ lý 147 vụ, việc (*giảm 8 vụ so với cùng kỳ năm 2019*)<sup>15</sup>. Đã giải quyết 108 vụ, việc, đạt tỷ lệ 73,46%.

*Án sơ thẩm:* Thụ lý 126 vụ; đã giải quyết 91 vụ<sup>16</sup>; đạt tỷ lệ 72,22%. Trong đó: xét xử 35 vụ; công nhận thỏa thuận 31 vụ; đình chỉ, tạm đình chỉ 25<sup>17</sup>.

<sup>3</sup> 1 bị cáo chết trước khi xét xử, còn trường hợp khác do bị hại rút yêu cầu khởi tố.

<sup>4</sup> Tạm đình chỉ chờ kết quả trung cầu giám định.

<sup>5</sup> Kháng cáo 317 vụ, kháng nghị 10 vụ (chấp nhận kháng nghị 5 vụ, 2 vụ không chấp nhận, còn lại chưa có kết quả).

<sup>6</sup> Hủy án phần dân sự để xét xử lại.

<sup>7</sup> Trong đó: sửa do lỗi chủ quan 6 vụ, lỗi khách quan 86 vụ

<sup>8</sup> Án có kháng cáo, kháng nghị chuyển TAND cấp cao xét xử phúc thẩm 10 vụ (kháng nghị 1 vụ, kháng cáo 9 vụ). Đã giải quyết 2 vụ (kháng cáo), kết quả y án 1 vụ, hủy án 1 vụ, còn lại chưa có kết quả giải quyết.

<sup>9</sup> Đình chỉ sơ thẩm: do người khởi kiện rút đơn khởi kiện hoặc có vụ án do các đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các vụ án Tạm đình chỉ do đương sự có đơn xin TĐC để tự thỏa thuận, giải quyết hoặc chờ kết quả của cơ quan khác giải quyết trước.

<sup>10</sup> Kháng cáo 246 vụ, kháng nghị 35 (chấp nhận kháng nghị 30 vụ, không chấp nhận kháng nghị 1 vụ, còn lại đang tiếp tục giải quyết)

<sup>11</sup> Các trường hợp Đình chỉ: do đương sự rút kháng cáo.

<sup>12</sup> 1 vụ nguyên đơn có đơn xin TĐC, 2 vụ chờ kết quả của vụ án khác hoặc kết quả giải quyết của cơ quan khác, 1 vụ chờ kết quả giải quyết khiếu nại

<sup>13</sup> Trong đó: Có 5 vụ hủy bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Có 11 hủy do nguyên nhân khách quan (do vi phạm thẩm quyền - đương sự ở nước ngoài, do có tình tiết mới, tại cấp phúc thẩm đương sự thay đổi yêu cầu...); 4 vụ hủy do lỗi chủ quan (vi phạm tố tụng: đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xác minh thu thập chứng cứ không đầy đủ, bỏ lọt yêu cầu của đương sự..)

<sup>14</sup> Trong đó: 42 vụ sửa án do nguyên nhân khách quan (do có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm); 9 vụ sửa án do lỗi chủ quan (vi phạm tố tụng xác minh thu thập, đánh giá chứng cứ không đầy đủ).

<sup>15</sup> Án Kinh doanh thương mại giảm (chủ yếu do tình hình thực tế hiện nay hiểu biết pháp luật của người dân nâng cao nên các giao dịch hợp đồng chặt chẽ hơn, các tranh chấp về Hợp đồng tín dụng giảm).

<sup>16</sup> Án có kháng cáo, kháng nghị chuyển TAND cấp cao xét xử phúc thẩm 1 vụ (kháng cáo KDTM), chưa có kết quả giải quyết).

*Án phúc thẩm:* Thụ lý 21 vụ<sup>18</sup>, đã giải quyết 17 vụ, đạt tỷ lệ 80,95%. Trong đó: đình chỉ 4 vụ; xét xử 13 vụ, kết quả xét xử: Y án 5 vụ; sửa án 3 vụ<sup>19</sup>, hủy 5 vụ<sup>20</sup>.

**1.4 Án hành chính:** thụ lý 106 vụ (*giảm 35 vụ so với cùng kỳ năm 2019*). Đã giải quyết 55 vụ, đạt tỷ lệ 51,88%.

*Án sơ thẩm:* Thụ lý 101 vụ, đã giải quyết 50 vụ<sup>21</sup>, đạt tỷ lệ 49,05%. Trong đó: Xét xử 24 vụ, đình chỉ, tạm đình chỉ 24 vụ, chuyển hồ sơ theo thẩm quyền 2 vụ.

*Án phúc thẩm:* Thụ lý 5 vụ<sup>22</sup>. Đã giải quyết 5 vụ (xét xử), đạt tỷ lệ 100%. Kết quả xét xử: Y án 4 vụ; sửa án 1 vụ<sup>23</sup>.

## **2. Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

Tòa án hai cấp đã thụ lý 152 hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (tăng 5 đối tượng so với năm 2019), đã giải quyết 150 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đạt 98,68%. Kết quả giải quyết: đình chỉ 5 trường hợp, tạm đình chỉ 1 trường hợp, đưa vào Trường giáo dưỡng 3 trường hợp; đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc 135 trường hợp, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 6 trường hợp.

## **3. Công tác Thi hành án hình sự**

Tòa án hai cấp đã ra quyết định thi hành án 1.850 bị án (trong đó: ra quyết định thi hành án tử hình 1 bị án<sup>24</sup>, phạt tù chung thân 6 bị án, phạt tù có thời hạn 1.634 bị án, các hình phạt khác 216 bị án). Tạm đình chỉ thi hành án: 7 bị án<sup>25</sup>, hoãn thi hành án 32 bị án (do bị án là lao động duy nhất, có thai và nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị bệnh hiểm nghèo, HIV/AIDS ở giai đoạn cuối...). Đình chỉ thi hành án 2 bị án<sup>26</sup>. Quyết định tổng hợp hình phạt 2 bị án, Quyết định hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn 1 bị án. Đã tổ chức thi hành án tử hình 1 bị án<sup>27</sup>.

Tổ chức phiên họp xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 3.066 phạm nhân theo đề nghị của Trại giam Ngọc Lý – Cục C10, Bộ Công an và Trại

<sup>17</sup> Đình chỉ 19 vụ do rút đơn yêu cầu khởi kiện hoặc triệu tập họp lệ nhiều lần không đến, TĐC 6 vụ do Tòa cấp cao xét kháng cáo đối với Quyết định TĐC chưa chuyển hồ sơ về cho TAND tỉnh Bắc Giang, bị đơn đã bị giải thể, chưa xác định được người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng, chờ kết quả giải quyết của vụ án khác...

<sup>18</sup> Kháng nghị 4 (chấp nhận), kháng cáo 17 vụ.

<sup>19</sup> Do nguyên nhân khách quan có tình tiết mới trong quá trình xét xử phúc thẩm.

<sup>20</sup> Do lỗi chủ quan 2 vụ, do nguyên nhân khách quan 3 vụ.

<sup>21</sup> Án có kháng cáo, kháng nghị chuyển TAND cấp cao xét xử phúc thẩm 21 vụ (đều là kháng cáo). Đã giải quyết 6 vụ (kết quả y án 4 vụ, hủy án 2 vụ), còn lại chưa có kết quả giải quyết.

<sup>22</sup> Đều do kháng cáo.

<sup>23</sup> Do lỗi chủ quan.

<sup>24</sup> Có kế hoạch tổ chức thi hành án trong tháng 12/2020.

<sup>25</sup> Đều do mắc bệnh hiểm nghèo, HIV-AIDS.

<sup>26</sup> 02 bị án bị chết.

<sup>27</sup> Có quyết định trước thời điểm thống kê

tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Chấp nhận 2.984 phạm nhân, không chấp nhận: 82 phạm nhân<sup>28</sup>. Xét tha tù trước thời hạn có điều kiện 51 phạm nhân.

#### **4. Công tác kiểm tra nghiệp vụ**

Tòa án tỉnh đã tiến hành kiểm tra theo kế hoạch đối với 10 đơn vị Tòa án cấp huyện với tổng số hồ sơ được kiểm tra là 7.190 hồ sơ các loại<sup>29</sup>; kiểm tra thanh tra công vụ hai đơn vị Tòa án cấp huyện<sup>30</sup>.

Kết quả kiểm tra cho thấy, cơ bản các vụ án được thụ lý, giải quyết, xét xử đúng quy định tố tụng và thời hạn luật định. Đường lối xét xử ôn định, nghiêm minh, khách quan, công bằng. Xét xử án hình sự bảo đảm đúng người, đúng tội, không có trường hợp xét xử oan sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác giải quyết án Dân sự, Hôn nhân và gia đình, Kinh doanh thương mại, Hành chính, Lao động từ khâu tiếp nhận xử lý đơn, thụ lý, thiết lập hồ sơ đến khi kết thúc phiên tòa cơ bản tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Một số thiếu sót, vi phạm qua công tác kiểm tra đã yêu cầu các đơn vị tổ chức rút kinh nghiệm, khắc phục và có biện pháp trong công tác lãnh đạo.

#### **5. Công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo**

Tòa án hai cấp thực hiện nghiêm việc tiếp công dân, hàng tháng niêm yết công khai lịch tiếp dân của lãnh đạo đơn vị. Trong năm, Tòa án hai cấp đã tổ chức tiếp 201 lượt người đến khiếu nại tố cáo, tiếp nhận 298 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị. Tổng số đơn thụ lý thuộc thẩm quyền là 58 đơn (23 đơn tố cáo, 35 đơn khiếu nại)<sup>31</sup>. Đã giải quyết 56 đơn, đạt tỷ lệ 96,54%. Tất cả các đơn khiếu nại, tố cáo đều được xử lý kịp thời, đúng quy định pháp luật, không có đơn phức tạp, kéo dài.

#### **6. Công tác tổ chức cán bộ, Hội thẩm nhân dân và công tác khác**

*Công tác tổ chức cán bộ:* Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 458-KH/BCS ngày 26/5/2017 của Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tính đến nay, Tòa án hai cấp tỉnh Bắc

<sup>28</sup> Do chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự hoặc chưa hoàn thành tốt trong quá trình cải tạo.

<sup>29</sup> 525 hồ sơ án hình sự, 1.082 hồ sơ án dân sự, 3.462 hồ sơ án hôn nhân và gia đình, 5 hồ sơ án lao động, 84 hồ sơ án kinh doanh thương mại, 1 hồ sơ án hành chính, 1.876 hồ sơ thi hành án, 39 hồ sơ khiếu nại, tố cáo, 116 hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

<sup>30</sup> Tòa án nhân dân huyện Việt Yên và Hiệp Hòa

<sup>31</sup> Các đơn khiếu nại đã giải quyết chủ yếu là khiếu nại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm; khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện về lĩnh vực giải quyết hành chính của chính quyền cơ sở thuộc thẩm quyền của Tòa án (khiếu nại đúng 6 đơn, khiếu nại đúng một phần 1 đơn, khiếu nại sai không có căn cứ 28 đơn); các đơn tố cáo đã giải quyết: nội dung liên quan đến tố cáo Thẩm phán, Thư ký không thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, Tòa án đã điều tra, xác minh trả lời đương sự (kết quả: tố cáo đúng 01 đơn; tố cáo đúng 01 phần 01 đơn; tố cáo sai 21 đơn).

loại án<sup>33</sup>, cũng như các chỉ tiêu, yêu cầu của Tòa án nhân dân tối cao trên các mặt công tác đều đạt và vượt chỉ tiêu thi đua. Các vụ án được đưa ra giải quyết, xét xử kịp thời, không có vụ án để kéo dài dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp. Các phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, dân sự, hành chính. Việc giải quyết xét xử các vụ án hình sự đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có trường hợp nào kết án oan người không có tội. Các hình phạt đảm bảo nghiêm minh, tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Làm tốt công tác hòa giải trong giải quyết các vụ việc dân sự và tổ chức đối thoại trong giải quyết các vụ án hành chính. Kết quả, Tòa án đã công nhận thỏa thuận và hòa giải thành 2.357 vụ/4.907 vụ, việc dân sự đã giải quyết, chiếm tỷ lệ 48%. Công bố 4.336 bản án (*tỉnh 403, huyện 3.933 bản án*) trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định tại Nghị quyết 03/NQ-HĐTP TAND tối cao. Duy trì hoạt động có hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến và hệ thống camera giám sát phiên tòa trong tổ chức tập huấn nghiệp vụ và trao đổi rút kinh nghiệm trong công tác xét xử, góp phần nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp... Qua đó, nhằm từng bước đảm bảo công khai, minh bạch các hoạt động của Tòa án, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, cơ quan, tổ chức giám sát hoạt động xét xử của Tòa án và nâng cao chất lượng bản án theo tinh thần cải cách tư pháp.

Quá trình giải quyết các vụ án Tòa án phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, đặc biệt thực hiện có hiệu quả các quy chế phối hợp liên ngành<sup>34</sup>. Phối hợp với Cơ quan Công an, Viện kiểm sát giải quyết dứt điểm các vụ án trọng điểm, nâng cao tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong nhân dân và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phối hợp với Viện kiểm sát hai cấp tổ chức 157 phiên tòa rút kinh nghiệm án hình sự (trong đó 4 phiên tòa tổ chức trực tuyến tới các điểm cầu Tòa án hai cấp), 34 phiên tòa rút kinh nghiệm về án dân sự, 6 phiên tòa rút kinh nghiệm án hành chính, kinh doanh thương mại.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác cải cách hành chính tư pháp, công tác thi hành án hình sự; công tác kiểm tra nghiệp vụ và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo; công tác tổ chức cán bộ, thanh tra và thi đua khen thưởng... về cơ bản cán bộ, công chức, người lao động Tòa án hai cấp chấp hành tốt nội quy, quy chế của ngành.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Trong quá trình giải quyết, xét xử của Tòa án hai cấp, còn bản án bị hủy theo trình tự phúc thẩm: 26 vụ/6369 vụ, chiếm tỷ lệ 0,40% số vụ việc Tòa án hai

<sup>33</sup> Nghị quyết 96/2019/QH14 về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án.

<sup>34</sup> Các quy chế phối hợp liên ngành như: Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trong giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết các vụ án hành chính, dân sự, kinh doanh thương mại; Quy chế phối hợp với Viện kiểm sát tỉnh trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành và giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, thi hành án hình sự và khiếu nại tố cáo về tư pháp...

Giang đã tinh giản 28 biên chế, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra (bảng 28/211 đồng chí<sup>32</sup>).

Trong năm đã điều động, luân chuyển 12 Thẩm phán, 07 Thư ký, Thẩm tra viên. Tiếp tục biệt phái Thẩm phán trung cấp hiện là Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện và Thư ký làm công tác xét xử các loại án của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại 15 chức danh lãnh đạo, quản lý. Cử 23 đồng chí đi học các lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ xét xử, cao cấp chính trị, trung cấp chính trị, nghiệp vụ Thẩm tra viên, học Thạc sỹ Luật, bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương.

Việc bổ nhiệm, quy hoạch, cử đi học được đưa ra bàn bạc dân chủ, khách quan, đảm bảo theo đúng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định.

*Công tác Hội thẩm nhân dân và tập huấn nghiệp vụ:* Tòa án nhân dân hai cấp phối hợp với các Đoàn Hội thẩm hoạt động xét xử đảm bảo quy định của pháp luật. Tòa án tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Đoàn Hội thẩm hoạt động, nhằm nâng cao chất lượng, vai trò của Hội thẩm nhân dân trong công tác xét xử tại Tòa án.

Tổ chức 2 đợt tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký và Hội thẩm nhân dân; hàng tháng tổ chức duy trì nghiêm việc tổ chức cho cán bộ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký dự tập huấn trực tuyến do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức. Qua đó, cán bộ và Hội thẩm nhân dân đã được trao đổi về kỹ năng xét xử và nắm bắt được những nội dung cơ bản của các Bộ luật, luật mới có hiệu lực thi hành, trao đổi kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

*Công tác Đảng:* Thực hiện sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Tòa án tỉnh, các Chi bộ trực thuộc đã tổ chức Đại hội và đạt được kết quả theo kế hoạch đề ra. Trong nhiệm kỳ 2020-2025, Chánh án Tòa án hai cấp đều được tin nhiệm tham gia cấp ủy địa phương.

*Công tác khác:* Triển khai thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch Covid-19 trong các đơn vị Tòa án hai cấp; tích cực vận động cán bộ, công chức, người lao động hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Trưng ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “Toàn dân tham gia ủng hộ phòng chống dịch Covid-19”; “vận động ủng hộ Quỹ vì người nghèo”, “ủng hộ đồng bào Miền Trung bị thiệt hại cho mưa, lũ gây ra”...

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Trong năm qua, Tòa án hai cấp đã hoàn thành các yêu cầu, chỉ tiêu công tác mà các Nghị quyết của Quốc hội đề ra liên quan tới công tác giải quyết, xét xử các

<sup>32</sup> Tại Nghị quyết số 473a/NQ-UBTVQH13 ngày 28-3-2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tổng biên chế và số lượng Thẩm phán, cán bộ, công chức của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Giang được phân bổ 211 người. Biên chế TAND hai cấp tỉnh Bắc Giang hiện nay là 185/211 cán bộ, công chức.

cấp đã giải quyết (trong đó số bản án bị hủy do nguyên nhân chủ quan 7 vụ chiếm tỷ lệ 0,10%); Án bị sửa 146 vụ, chiếm tỷ lệ 2,2% (trong đó án bị sửa do nguyên nhân chủ quan 15 vụ, chiếm tỷ lệ 0,23%)<sup>35</sup>. Có đơn vị vẫn còn để án quá hạn, kéo dài, vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện.

### **3. Nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót**

*Nguyên nhân chủ quan:* Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tòa án hai cấp có việc chưa sát sao trong công tác kiểm tra. Còn có Thẩm phán chưa tích cực nghiên cứu văn bản hướng dẫn pháp luật để giải quyết các vụ án theo đúng quy định. Vi phạm trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ; áp dụng thiếu điều luật.

*Nguyên nhân khách quan:*

Các vụ án còn lại do mới thụ lý, đang trong quá trình tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, do thời gian qua dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc báo, triệu tập đương sự trong một số vụ án gặp khó khăn nên ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các loại án. Một số vụ án đương sự không hợp tác trong việc xác minh, thu thập chứng cứ dẫn đến kéo dài vụ án.

Cơ sở vật chất, điều kiện phương tiện làm việc tuy có được đầu tư, xây dựng nhưng vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ cải cách tư pháp trong thời gian tới. Trong khi đó, số lượng cán bộ công chức không được tăng mà còn phải thực hiện nghiêm túc các chủ trương, Nghị quyết của Đảng về tinh giản biên chế ...là những khó khăn cho công tác giải quyết, xét xử các loại án.

## **B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC NĂM 2021**

**1. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; các nghị quyết của Quốc hội, của Toà án nhân dân tối cao, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về công tác tư pháp và cải cách tư pháp, gắn việc thực hiện các nhiệm vụ công tác của Tòa án với việc thực hiện các yêu cầu của cải cách tư pháp. Tập trung triển khai thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.**

**2. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án nhân dân hai cấp.**

**3. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với chủ đề thi đua của Tòa án “trách nhiệm, kỷ cương, chất lượng, vì công lý”. Xây dựng kế hoạch nhằm thực hiện nghiêm túc Nghị quyết TW4 (Khóa XII) “Tăng cường chính đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị,**

<sup>35</sup> Tỷ lệ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán dưới giới hạn quy định của Tòa án tối cao (án hủy, sửa dưới 1,5%).

đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”.

4. Đẩy mạnh công tác giải quyết các loại án phạt và vượt chỉ tiêu thi đua đề ra. Đảm bảo 100% các vụ, việc phải được giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định. Không để xảy ra việc xét xử oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Làm tốt công tác hòa giải trong dân sự và đối thoại trong giải quyết các vụ án hành chính. Chú trọng phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm. Hạn chế đến mức thấp nhất bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan của Thẩm phán; bản án tuyên không rõ ràng, gây khó khăn cho công tác thi hành án dân sự.

5. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành theo hướng phân công, phân cấp hợp lý. Củng cố, hoàn thiện bộ máy tổ chức, kiện toàn đủ cán bộ lãnh đạo, quản lý và các chức danh tư pháp của Tòa án hai cấp. Thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm nhân dân Tòa án hai cấp.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh uỷ;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Ban pháp chế HĐND tỉnh;
  - Đ/c Chánh án TAND tối cao;
  - Các Đại biểu HĐND tỉnh;
  - Các Đ/c lãnh đạo TAND tỉnh;
  - Các Ủy viên UBTP;
  - Lưu CVP, VT.
- }      để b/c



**Lương Xuân Lộc**





**TOA AN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**Phụ lục thống kê  
Kết quả công tác giải quyết các loại án  
của TAND hai cấp tỉnh Bắc Giang năm 2020  
(Số liệu từ 01/12/2019 – đến 31/10/2020)**

STT	Loại án	11 tháng năm 2019	11 tháng năm 2020	Tỷ lệ so sánh (%vụ)	Tỷ lệ gq (%vụ)
	<b>Tổng thụ lý các loại án</b>	<b>7.833</b>	<b>7.608</b>	-2,87	
	<b>Tổng giải quyết</b>	<b>6.374</b>	<b>6.369</b>	-0,08	83,71
<b>I</b>	<b>Hình sự (ST+PT)</b>				
	Tổng thụ lý (vụ/bị cáo)	<b>1.297/2.318</b>	<b>1.346/2.554</b>	3,78	
	Tổng giải quyết (vụ/bị cáo)	<b>1.110/1.926</b>	<b>1.189/2.180</b>	7,12	88,34
<b>1</b>	<b>Hình sự sơ thẩm</b>				
	Thụ lý (vụ/bị cáo)	<b>986/1.829</b>	<b>1.019/2.028</b>	3,35	
	Giải quyết (vụ/bị cáo)	<b>840/1.509</b>	<b>913/1.769</b>	8,69	89,60
a	Tỉnh thụ lý (vụ/bị cáo)	<b>76/133</b>	<b>59/162</b>	-22,37	
	Giải quyết (vụ/bị cáo)	<b>60/83</b>	<b>55/143</b>	-8,33	93,22
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử (vụ/bị cáo)	<b>60/83</b>	<b>54/140</b>	-10	
	Tạm đình chỉ	<b>0/0</b>	<b>1/3</b>	100	
	<i>Hình phạt (bị cáo):</i>				
	Tử hình	<b>3</b>	<b>2</b>	-33,33	
	Chung thân	<b>7</b>	<b>5</b>	-28,57	
	Giam	<b>71</b>	<b>123</b>	73,24	
	Treo	<b>2</b>	<b>10</b>	400	
b	Huyện thụ lý (vụ/bị cáo)	<b>910/1.696</b>	<b>960/1.866</b>	5,49	
	Giải quyết (vụ/bị cáo)	<b>780/1.426</b>	<b>858/1.626</b>	1	89,38
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử (vụ/bị cáo)	<b>769/1.406</b>	<b>852/1.619</b>	10,79	
	Đình chỉ (vụ/bị cáo)	<b>11/20</b>	<b>6/7</b>	-45,45	
	<i>Hình phạt (bị cáo):</i>				
	Giam	<b>968</b>	<b>1.163</b>	20,14	
	Treo	<b>424</b>	<b>389</b>	-8,25	
	CT không giam giữ	<b>6</b>	<b>42</b>	600	
	Phạt tiền là HP chính	<b>8</b>	<b>18</b>	125	
	Cảnh cáo	<b>0</b>	<b>7</b>	700	
<b>2</b>	<b>Hình sự phúc thẩm</b>				
	Tỉnh thụ lý (vụ/bị cáo)	<b>311/489</b>	<b>327/526</b>	5,14	
	Giải quyết (vụ/bị cáo)	<b>270/417</b>	<b>276/411</b>	2,22	84,40
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử (vụ/bị cáo)	<b>150/249</b>	<b>142/218</b>	-5,33	
	Đình chỉ (vụ/bị cáo)	<b>120/168</b>	<b>134/193</b>	11,67	

	<i>Phân tích số vụ/ bị cáo xx:</i>				
	Y (vụ/bị cáo)	83/135	49/80	-40,96	
	Sửa (vụ/bị cáo)	62/109	92/137	48,39	
	Hủy (vụ/bị cáo)	5/5	1/1	-8	
<b>II</b>	<b>Dân sự + HNGĐ (ST+PT)</b>				
	Tổng thụ lý (vụ)	6.240	6.009	-3,70	
	Tổng giải quyết (vụ)	5.028	5.017	-0,22	83,49
<b>1</b>	<b>Sơ thẩm</b>				
	Thụ lý	5.977	5.728 <sup>1</sup>	-4,17	
	Giải quyết	4.818	4.816	-0,04	84,08
a	Tỉnh thụ lý	211	279 <sup>2</sup>	32,23	
	Giải quyết	111	185	66,67	66,31
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	64	139	117,19	
	Công nhận thỏa thuận và Hòa giải thành	27	12	-55,56	
	Đình chỉ - TĐC	14	28 <sup>3</sup>	10	
	Chuyển hồ sơ	6	6		
b	Huyện thụ lý	5.766	5.449 <sup>4</sup>	-5,50	
	Giải quyết	4.707	4.631	-1,61	84,99
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	955	1.049	9,84	
	Công nhận thỏa thuận và Hòa giải thành	2.514	2.314	-7,96	
	Đình chỉ – TĐC	1.085	1.037 <sup>5</sup>	-4,42	
	Chuyển hồ sơ	9	41	355,56	
	Giải quyết các loại việc	144	190	31,94	
<b>2</b>	<b>Phúc thẩm</b>				
	Thụ lý	263	281 <sup>6</sup>	6,84	
	Giải quyết	210	201	-4,29	71,53
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	166	166		
	Đình chỉ	44	31	-29,55	
	Tạm đình chỉ	0	4	40	
	<i>Phân tích số vụ xét xử:</i>				
	Y (vụ)	100	95	-5,00	
	Sửa (vụ)	48	51	6,25	
	Hủy (vụ)	18	20	11,11	

<sup>1</sup> HNGĐ thụ lý 3.820 (đã giải quyết 3.385), DS thụ lý 1.709 (đã giải quyết 1.241), Việc DS thụ lý 199 (đã giải quyết 190)

<sup>2</sup> HNGĐ thụ lý 207 (đã giải quyết 148), DS thụ lý 72 (đã giải quyết 37)

<sup>3</sup> Đình chỉ 25, tạm đình chỉ 3

<sup>4</sup> HNGĐ thụ lý 3.613 (đã giải quyết 3.237), DS thụ lý 1.637 (đã giải quyết 1.204), Việc DS thụ lý 199 (đã giải quyết 190)

<sup>5</sup> Đình chỉ 985, tạm đình chỉ 52

<sup>6</sup> HNGĐ thụ lý 67 (đã giải quyết 46), DS thụ lý 214 (đã giải quyết 155)

<b>III</b>	<b>Hành chính (ST+PT)</b>				
	Tổng thụ lý (vụ)	141	106	-24,82	
	Tổng giải quyết (vụ)	121	55	-54,55	51,89
<b>1</b>	<b>Sơ thẩm</b>				
	Thụ lý	139	101	-27,34	
	Giải quyết	120	50	-58,33	49,50
a	Tỉnh thụ lý	128	90	-29,69	
	Giải quyết	117	42	-64,10	46,67
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	37	23 <sup>7</sup>	-37,84	
	Đình chỉ	80	19 <sup>8</sup>	-76,25	
b	Huyện thụ lý	11	11		
	Giải quyết	3	8	166,67	72,73
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	1	1 <sup>9</sup>		
	Đình chỉ	1	5 <sup>10</sup>	40	
	Chuyển hồ sơ	1	2	10	
<b>2</b>	<b>Phúc thẩm</b>				
	Thụ lý (vụ)	2	5	15	
	Giải quyết (vụ)	1	5	40	100
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	0	5	500	
	Đình chỉ	1	0	-100	
	<i>Phân tích số vụ xét xử:</i>				
	Y (vụ)	0	4	40	
	Sửa (vụ)	0	1	100	
<b>IV</b>	<b>Kinh tế – LĐ (ST+PT)</b>				
	Tổng thụ lý (vụ)	155	147	-5,16	
	Tổng giải quyết (vụ)	115	108	-6,09	73,47
<b>1</b>	<b>Sơ thẩm</b>				
	Thụ lý	135	126 <sup>11</sup>	-6,67	
	Giải quyết	100	91	-9,00	72,22
a	Tỉnh thụ lý	12	13 <sup>12</sup>	8,33	
	Giải quyết	5	8	6	61,54
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	3	2	-33,33	
	Công nhận thỏa thuận	1	0	-10	
	Đình chỉ - TĐC	1	6	50	
b	Huyện thụ lý	123	113 <sup>13</sup>	-8,13	

<sup>7</sup> Bác yêu cầu khởi kiện 20 vụ, chấp nhận 3 vụ

<sup>8</sup> Đình chỉ do đối thoại thành 16 vụ, đình chỉ do rút đơn 3 vụ

<sup>9</sup> Bác yêu cầu khởi kiện 1 vụ

<sup>10</sup> Đình chỉ do đối thoại thành 1 vụ, đình chỉ do rút đơn 4 vụ

<sup>11</sup> KDTM thụ lý 116 (đã giải quyết 85), LĐ thụ lý 10 (đã giải quyết 6)

<sup>12</sup> KDTM thụ lý 13 (đã giải quyết 5), LĐ thụ lý 0

<sup>13</sup> KDTM thụ lý 103 (đã giải quyết 77), LĐ thụ lý 10 (đã giải quyết 6)

	Giải quyết	95	83	-12,63	73,45
	Trong đó:				
	Xét xử	42	33	-21,43	
	Công nhận thỏa thuận	27	31	14,81	
	Đình chỉ – TĐC	26	19	-26,92	
2	Phúc thâm				
	Thụ lý (vụ)	20	21 <sup>14</sup>	5,00	
	Giải quyết (vụ)	15	17	13,33	80,95
	Trong đó:				
	Xét xử	10	13	3	
	Đình chỉ	5	4	-2	
	Phân tích số vụ xét xử:				
	Y (vụ)	7	5	-28,57	
	Sửa (vụ)	3	3		
	Hủy (vụ)	0	5	50	

<sup>14</sup> KDTM thụ lý 19 (đã giải quyết 17), LĐ thụ lý 2 (đã giải quyết 2)